TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **19** /2023/DS-ST
Ngày: 04/5/2023
"*V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Đích
2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2022/TLST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc "*kiện đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST - DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M** - sinh năm: 1964 –Trú tại: 22 N 16, tổ 103 phường N, quận S, Đà Nẵng. có mặt

- Bị đơn: Bà **Lê Thị P** - sinh năm 1981 ; Trú tại: 35 N, tổ 14 phường N, quận S, Đà Nẵng. vắng mặt

Bà **Nguyễn Thị L** – sinh năm: 1955; Địa chỉ: 115 N, phường T, quận S, Đà Nẵng. vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn T** - sinh năm: 1955, Địa chỉ: 115 N, phường T, quận S, Đà Nẵng. vắng mặt

- Người làm chứng: Bà **Lê Thị Đ** – sinh năm:1958; Địa chỉ: 40 đường N , phường N, quận S, Đà Nẵng. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Do có quan hệ quen biết, tin tưởng nhau nên ngày 18/4/2019, bà Nguyễn Thị M có cho bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị P vay 1 cây vàng 9999 để bà P, bà L trả chi phí cho ngư dân đi tàu, tiền lãi vay là 1.500.000 đồng/01 tháng. Việc vay 01 cây vàng nêu trên được lập thành giấy mượn tiền viết tay ngày 18/4/2019 có chữ kí đầy đủ của bà P, ông T (chồng bà L) và hứa hẹn sau 5 tháng sẽ trả đủ cho bà M. Bà M thừa nhận chữ ký ông T do bà P ký vì lúc viết giấy tờ không có ông T ở đó, nhưng hai mẹ con bà L đã gọi điện cho ông T vì lúc này ông T đang ở ngoài biển, ông T cũng đồng ý vay vàng và để bà P ký vào giấy nhận nợ, sau đó bà M và bà L cùng đi bán vàng sau đó bà M giao toàn bộ số tiền bán vàng cho bà L, bà P. Từ khi vay đến nay, bà L, bà P đã trả cho bà M được 3 tháng tiền lãi, tổng cộng là 4.500.000 đồng. Đến thời gian hẹn trả nợ mặc dù nhiều lần bà yêu cầu hai mẹ con bà L trả nợ nhưng các bà cố tình trốn tránh không chịu trả. Nay bà M yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị P và bà Nguyễn Thị L trả lại 1 cây vàng 9999 và không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị L có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 01/11/2022 trong hồ sơ dân sự thụ lý 114 ngày 06/12/2022:

Bà biết được bà M cho vay tiền nhưng không có tiền nên cho vay 1 cây vàng nhưng bà M không đưa vàng mà đưa tiền là 33.000.000 đồng và bà có nhận tiền từ bà M.

* Bị đơn bà Lê Thị P có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 19/8/2022 tại hồ sơ dân sự thụ lý 114 ngày 06/12/2022 và hồ sơ dân sự thụ lý số 47 ngày 23/5/2022:

Theo bản tự khai ngày 19/8/2022 bà Lê Thị P khai: Vào ngày 18/4/2019 bà M cho mẹ bà là Nguyễn Thị L mượn số tiền 33.000.000 đồng nhưng thực tế là bà L mượn giúp cho bà vì bà M biết bà đang nợ nần nhiều nên không cho mượn. Việc mượn số tiền 33.000.000 đồng hàng tháng có trả lãi 1.500.000 đồng, tuy nhiên do dịch bệnh nên bà không có tiền trả lãi và gốc cho bà M, đến nay bà M khởi kiện bà và bà Nguyễn Thị L trả 1 cây vàng 9999 tương đương 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì bà chỉ đồng ý trả 33.000.000 đồng và trả dần hàng tháng mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2022 bà Lê Thị P khai: Bà có mượn cô M mà cô M sợ không trả được nên không cho mượn mà cho mẹ bà là Nguyễn Thị L số tiền 33.000.000 đồng, giấy tờ là do bà viết là bà M cho mượn 1 cây vàng mà bà M không đưa vàng cho bà.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có ý kiến tại bản tự khai ngày 16/5/2022

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M vì bà khởi kiện cho rằng ông mượn của bà M 1 cây vàng 9999 có viết và ký vào giấy mượn tiền ngày 18/4/2019. Ông khẳng định ông không hề mượn vàng của bà M, giấy mượn tiền bà M cung cấp có chữ viết và chữ ký không phải là của ông.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị P, ông Lê Văn T, người làm chứng bà Lê Thị Đương để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông T, bà L, bà P, bà Đương vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 166 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị P liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị M 1 cây vàng 9999 (tương đương với số tiền tại thời điểm xét xử là 57.000.000 đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch khi yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị P trả 1 cây vàng 9999 đây là tranh chấp kiện đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị P và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T, người làm chứng bà Lê Thị Đ mặc dù đã được Tòa án cấp tống

đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Do có mối quan hệ quen biết với nhau từ lâu nên bà M đã cho bà L, bà P vay 1 cây vàng 9999 có giấy mượn tiền ngày 18/4/2019, giấy này do bà P viết và bà P ký nhận. Bà P, bà L hẹn sau 5 tháng sẽ trả nhưng đến hạn trả nợ thì bà P, bà L không trả. Nay bà M yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị P phải trả 1 cây vàng 9999 tại thời điểm xét xử tương đương với số tiền 55.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Còn bị đơn bà L vắng mặt nhưng có ý kiến theo bản tự khai tại các hồ sơ dân sự thụ lý số 114 ngày 06/12/2022 và hồ sơ dân sự thụ lý số 47 ngày 23/5/2022 bà L biết được bà M cho vay tiền nên cho vay 1 cây vàng nhưng bà M không đưa vàng mà đưa tiền là 33.000.000 đồng và bà có nhận tiền từ bà M. Còn bà P xác định tại bản tự khai ngày 01/11/2022 bà có mượn cô M mà cô M sợ không trả được nên không cho mượn mà cho mẹ bà là Nguyễn Thị L mượn số tiền 33.000.000 đồng, giấy tờ là do bà P viết nội dung bà M cho mượn 1 cây vàng mà bà M không đưa vàng cho bà.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc vay vàng giữa bà M và bà L, bà P là có thật và hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giấy mượn tiền đã ký kết. Căn cứ theo giấy mượn tiền ngày 18/4/2019 do bà P viết và bà L, bà P ký nhận với nội dung trong như sau: "*...mượn của chị M số tiền là 1 cây vàng...*". Tại bản tự khai ngày 01/11/2022 bà P, bà L xác nhận hiện còn nợ bà M số tiền 33.000.000 đồng và xin trả dần số nợ trên mỗi tháng 1 triệu đồng cho đến khi hết nợ tuy nhiên theo giấy mượn tiền thể hiện các bà mượn 1 cây vàng. Ngày 22/3/2023, Tòa án đã có thông báo gửi đến cho các đương sự đề nghị trình bày ý kiến về việc nguyên đơn yêu cầu trả 1 cây vàng 9999 nhưng đến nay bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến do đó Hội đồng xét xử thấy bà L, bà P là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa T đã ký, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M, nguyện vọng xin trả dần số nợ trên của bà P không được bà M chấp nhận. Như vậy yêu cầu của bà M buộc bà Nguyễn Thị L và bà Lê Thị P phải trả 1 cây vàng 9999, căn cứ theo giá vàng niêm yết ngày 04/5/2023 thì 1 cây vàng 9999 là: 57.000.000 đồng, có cơ sở và phù hợp với Điều 166 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với trình bày của ông Lê Văn T về việc ông không ký nhận vào giấy mượn tiền ngày 18/4/2019, ông hoàn toàn không biết việc vay mượn trên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M cũng xác nhận tại thời điểm viết giấy không có mặt ông T, bà P đứng ra ký thay do đó Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm trả nợ của ông T trong vụ án này.

[4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà M không có yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với trình bày của bà M về việc bị đơn đã trả 3 tháng tiền lãi với tổng số tiền 4.500.000 đồng, việc này không thể hiện bằng giấy tờ mà chỉ thỏa T miệng và giao tiền bằng hình thức trao tay. Đồng thời, bị đơn không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M được chấp nhận nên bị đơn bà L, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tòa án thì bà L, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 57.000.000 đồng x 5% = 2.850.000 đồng.

[6] Đối với nhận định của đại diện Viện kiểm sát quận S phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tóa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị P về việc "đòi tài sản".

Tuyên xử:

Buộc bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị P trả cho bà Nguyễn Thị M 1 cây vàng 9999 tương ứng với số tiền 57.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 2.850.000đ (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị P phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí 1.375.000 đồng bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S theo biên lai thu số 0006630 ngày 28/12/2022

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh